

Bản án số: 55/2024/HS-ST

Ngày 11 - 9 - 2024

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hiền

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Dung

2. Bà Vũ Thị Nga

- Thư ký phiên tòa: Ông Đỗ Mạnh Hoàng, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Trình - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 9 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 46/2024/TLST-HS ngày 02 tháng 8 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 60/2024/QĐXXST-HS ngày 23 tháng 8 năm 2024 và Thông báo thay đổi thời gian xét xử ngày 06/9/2024 đối với bị cáo:

Trần Văn Q (tên gọi khác là Trần Văn C), sinh ngày 02/11/1982 tại tỉnh Thái Bình

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số nhà G, đường A, Trần Quang K, tổ B, phường K, thành phố T, tỉnh Thái Bình. Quốc tịch: Việt Nam. Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Giới tính: Nam; Trình độ học vấn: lớp 7/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do, con ông Trần Văn D đã chết (ông D được tặng thưởng huy chương kháng chiến hạng Hai) và bà Đinh Thị H (L) (Bà H (L) được tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng Ba và là người được hưởng chính sách như thương binh), có vợ là Dương Thị M, có hai con, lớn sinh năm 2009, nhỏ sinh năm 2023.

Tiền sự: Không

Tiền án: Bản án số 182 ngày 23/12/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, tuyên phạt 09 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, chấp hành xong hình phạt tù ngày 23/9/2022.

Nhân thân:

- Bản án số 215/HSST ngày 06 tháng 11 năm 1998, Toà án nhân dân tỉnh Thái Bình xử phạt (Quảng tức C) 18 tháng tù về tội “Cướp tài sản của công dân”.

- Bản án số 44/HSST ngày 18 tháng 5 năm 2000 bị Toà án nhân dân thị xã Thái Bình xử phạt (Quảng tức C) 03 tháng 10 ngày tù về tội Trộm cắp tài sản của công dân, trả tự do tại toà (2 bản án trên đều đã được xoá án).

- Ngày 06 tháng 3 năm 2009, bị Công an thành phố T ra quyết định xử phạt hành chính hình thức “cảnh cáo” về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy.

- Ngày 06 tháng 5 năm 2009, bị Ủy ban nhân dân thành phố T ra quyết định áp dụng biện pháp đưa vào Trung tâm chữa bệnh, giáo dục, lao động xã hội thành phố T thời hạn 12 tháng do nghiện ma túy (Quyết định số 640/QĐ -UBND).

- Ngày 22 tháng 10 năm 2021, bị Công an thành phố T xử phạt hành chính 1.000.000 đồng về hành vi Trộm cắp tài sản (Quyết định số 167/QĐ - XPHC), đã thi hành xong.

- Ngày 01 tháng 7 năm 2024 bị xử phạt vi phạm hành chính 30.000.000 đồng về hành vi Tàng trữ trái phép vũ khí thể thao theo Quyết định số 93/QĐ - XPHC của UBND tỉnh T.

Bị cáo bị bắt, bị tạm giữ từ ngày 13/3/2024, đến ngày 16/3/2024 chuyển tạm giam về Tội mua bán trái phép chất ma túy đang do Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh T thụ lý giải quyết. Hiện bị can đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh T. Trích xuất có mặt.

**Người làm chứng:*

- Ông Đặng Đại L1, sinh năm 1954; Nơi cư trú: Số nhà C, tổ B, Phường K, thành phố T. Vắng mặt.

- Bà Nguyễn Thị H1, sinh năm 1967; Nơi cư trú: Số nhà B, tổ B, Phường K, thành phố T. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 11/3/2024, Trần Văn Q có hành vi bán trái phép ma túy cho Vũ Ngọc Q1, sinh năm 1995, trú tại thôn Đ, xã N, huyện T và Đào Khương D1, sinh năm 2001, trú tại thôn T, xã N, huyện T nên bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T khám chỗ ở, qua khám xét, thu giữ 01 khẩu súng ngắn ổ quay bằng kim loại, kích thước 15x2,5cm, cao 11cm, trên thân súng có dòng chữ và số: “CHINA”, “MK4”, “2011”. Trong ổ quay của súng có 05 viên đạn cùng loại, mỗi viên dài 24,5mm, đường kính đầu đạn 5,6mm, phần thân vỏ màu vàng, phần đầu đạn màu đen. Sau đó Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T, tỉnh Thái Bình đã chuyển tài liệu, vật chứng lên Cơ quan An ninh điều tra Công an tỉnh T điều tra theo thẩm quyền. Tại

Cơ quan An ninh điều tra Công an tỉnh T, Trần Văn Q khai: Ngày 03/3/2024, Q mua 01 chiếc loa, loại loa máy vi tính, của một người mua bán phế liệu, không biết tên, tuổi, địa chỉ ở trên đường gần nhà Q để nghe nhạc với giá 50.000 đồng. Sau khi mua loa, Q mang về nhà cắm điện nhưng loa không hoạt động. Quảng tháo loa ra kiểm tra phát hiện bên trong loa có 01 khẩu súng ngắn ổ quay bằng kim loại có đặc điểm như mô tả ở trên. Quảng biết đây là súng quân dụng nhưng không trình báo cơ quan chức năng mà cất súng cùng 05 viên đạn vào trong ngăn kéo của chiếc ghế gỗ trong phòng khách. Đối với chiếc loa có chứa khẩu súng, Q bán cho người nhặt phế liệu không rõ tên tuổi địa chỉ.

Bản kết luận giám định số 637/KL-KTHS ngày 28/3/2024 của phòng K1 Công an tỉnh N, kết luận: “01 vật bằng kim loại giống khẩu súng gửi giám định là súng ngắn tự chế kiểu ổ quay, bắn đạn cỡ 5,6mm, thuộc vũ khí quân dụng; 05 (năm) vật bằng kim loại màu vàng gửi giám định là loại đạn thể thao cỡ 5,6mm không phải vũ khí quân dụng, thuộc vũ khí thể thao, dùng để bắn cho những loại súng thể thao và súng tự chế cỡ nòng 5,6mm. Quá trình giám định đã sử dụng 03 viên để bắn thử nghiệm”.

Tại bản Cáo trạng số 48/CT-VKSTB ngày 01 tháng 8 năm 2024 Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình truy tố bị cáo Trần Văn Q về tội “Tàng trữ vũ khí quân dụng” quy định tại khoản 1 Điều 304 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai nhận hành vi của mình như cáo trạng đã mô tả, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo Trần Văn Q như cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Trần Văn Q phạm tội “Tàng trữ vũ khí quân dụng”.

Áp dụng khoản 1 Điều 304; điểm s khoản 1, 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 50 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Trần Văn Q từ 01 năm 06 đến 02 năm tù, thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ 13/3/2024. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, giao 01 khẩu súng ngắn tự chế kiểu ổ quay, bắn đạn cỡ 5,6mm cho Bộ chỉ huy quân sự tỉnh T quản lý. Đối với 05 viên đạn thu giữ được đã dùng bắn thử 03 viên còn 02 viên đạn đã được tịch thu, tiêu hủy theo Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 93 ngày 01/7/2024 nên không đặt ra giải quyết. Bị cáo phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

Bị cáo đồng ý với bản luận tội mà đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình trình bày tại phiên tòa và không tranh luận về tội danh, hình phạt cũng như các vấn đề khác.

Bị cáo nói lời sau cùng: thừa nhận hành vi tàng trữ vũ khí quân dụng và chịu mọi trách nhiệm về hành vi của mình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Trong quá trình tiến hành tố tụng những người tham gia tố tụng không có khiếu nại gì về các quyết định và hành vi tố tụng của người tiến hành tố tụng và cơ quan tiến hành tố tụng, do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của những người làm chứng và còn được chứng minh bằng Biên bản khám xét khẩn cấp do Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T, tỉnh Thái Bình lập hồi 19h30' ngày 12/3/2024, Bản kết luận giám định số 637/KL-KTHS ngày 28/3/2024 của phòng K1 Công an tỉnh N, nên có đủ căn cứ kết luận: Ngày 11/3/2024 Trần Văn Q bị phát hiện đang tàng trữ tại nơi ở của bị cáo 01 khẩu súng ngắn ổ quay bằng kim loại, kích thước 15x2,5cm, cao 11cm, trên thân súng có dòng chữ và số: “CHINA”, “MK4”, “2011” là loại súng quân dụng, theo Điều 2 Luật quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ: “ 2. *Vũ khí quân dụng bao gồm: a) S cầm tay, súng vác vai, vũ khí hạng nhẹ, vũ khí hạng nặng, đạn sử dụng cho các loại vũ khí này; các loại bom, mìn, lựu đạn, ngư lôi, thủy lôi và vũ khí khác thuộc danh mục do Bộ trưởng Bộ Q2 ban hành, trang bị cho lực lượng vũ trang nhân dân và các lực lượng khác theo quy định của Luật này; ...g) Vũ khí khác có tính năng, tác dụng, khả năng gây sát thương tương tự như vũ khí quy định tại điểm a hoặc điểm b khoản này, không thuộc danh mục do Bộ trưởng Bộ Q2, Bộ trưởng Bộ C1 ban hành.*”.

[3] Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến hoạt động của Nhà nước về chế tạo, tàng trữ, vận chuyển, sử dụng, mua bán và quản lý vũ khí quân dụng, xâm phạm đến an toàn công cộng. Bị cáo là người trưởng thành, nhận thức được hậu quả do mình thực hiện nhưng vẫn cố tình tàng trữ vũ khí nhằm mục đích sử dụng khi cần, làm ảnh hưởng đến an toàn chung, khẩu súng mà bị cáo tàng trữ không phải là vũ khí trang bị cho lực lượng vũ trang nhân dân và các lực lượng khác theo quy định nhưng có tính năng, tác dụng và khả năng sát thương như vũ khí được trang bị cho lực lượng vũ trang nên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình truy tố bị cáo về tội “Tàng trữ vũ khí quân dụng” theo khoản 1 Điều 304 Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội, không oan.

Điều 304. *Tội chế tạo, tàng trữ, vận chuyển, sử dụng, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt vũ khí quân dụng, phương tiện kỹ thuật quân sự*

“1. Người nào chế tạo, tàng trữ, vận chuyển, sử dụng, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt vũ khí quân dụng, phương tiện kỹ thuật quân sự, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 07 năm.

...

5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng, phạt quản chế hoặc cấm cư trú từ 01 năm đến 05 năm".

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ và nhân thân của bị cáo: Bị cáo Trần Văn Q phạm tội khi có một bản án chưa được xóa án tích nên phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là tái phạm theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Bị cáo có nhân thân xấu, nhiều lần bị kết án và bị xử lý hành chính, ngoài phạm tội này còn đang bị tạm giam do có hành vi vi phạm pháp luật khác nên cần xét xử bị cáo mức án thật nghiêm khắc mới đảm bảo tính trừng phạt, răn đe và phòng ngừa chung. Tuy nhiên cũng xét bị cáo khai báo thành khẩn, có bố đẻ và mẹ đẻ là người có công với cách mạng để áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, giảm cho bị cáo một phần hình phạt.

[5] Về vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, đối với 01 khẩu súng ngắn tự chế kiểu ổ quay, bắn đạn cỡ 5,6mm là vũ khí quân dụng nên giao cho Bộ chỉ huy quân sự tỉnh T quản lý. Đối với 05 viên đạn thu giữ được đã dùng bắn thử 03 viên còn 02 viên đạn đã được tịch thu, tiêu hủy theo Quyết định xử phạt vi phạm hành chính nên không đặt ra giải quyết.

[6] Về án phí: Bị cáo phải nộp tiền án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[7] Về quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo trong thời hạn luật định.
Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 304; Điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 50; Điều 46 Bộ luật Hình sự; Điều 106; Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết 326/NQ – UBTVQH ngày 30/12/2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên bố: Bị cáo Trần Văn Q (tên khác là Trần Văn C) phạm tội “Tàng trữ vũ khí quân dụng”.

2. Xử phạt bị cáo Trần Văn Q 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày thi hành án.

3. Xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, giao cho Bộ chỉ huy quân sự tỉnh T quản lý 01 khẩu súng ngắn tự chế kiểu ổ quay, bắn đạn cỡ 5,6mm.

(Chi tiết vật chứng như mô tả trong Biên bản giao nhận vật chứng đã được chuyển đến kho vũ khí đạn – Phòng hậu cần kỹ thuật- Bộ chỉ huy quân sự tỉnh T ngày 22/5/2024 và Lệnh nhập kho số 06/2024 ngày 22/5/2024).

4. Về án phí: Bị cáo Trần Văn Q phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo Trần Văn Q có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án 11/9/2024.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Người tham gia tố tụng;
- VKSND tỉnh Thái Bình;
- Cục THADS TP. Thái Bình;
- Cơ quan điều tra CA tỉnh Thái Bình;
- Cơ quan THAHS tỉnh Thái Bình;
- Trại tạm giam CA tỉnh Thái Bình.
- Sở tư pháp tỉnh Thái Bình;
- Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Thái Bình;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Thu Hiền

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Thu Hiền

Nguyên là cán bộ Phòng An ninh nội địa Công an tỉnh T, đã xuất ngũ theo Quyết định số 501/QĐ-CAT-PX01 ngày 02/02/2024 của Công an tỉnh T. Là Đảng viên Đảng cộng sản Việt Nam, đã bị xóa tên đảng viên theo Quyết định số 458/QĐ/TU ngày 31/5/2024 của Thành ủy thành phố T. Con ông Nguyễn Thanh L2 (đã chết) và bà Lê Thị B, có vợ là chị Lưu Kim T, có 02 con, sinh năm 2013 và 2018.

Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Tháng 3/2007 đến tháng 9/2009 tham gia nghĩa vụ Công an. Tháng 10/2009 đến tháng 10/20211 học tại trường T1 tại X - C - Hà Nội. Tháng 10/2011 đến tháng 3/2016 công tác tại Phòng Cảnh sát cơ động Công an tỉnh T. Tháng 4/2016 đến tháng 10/2018 học tại Học viện A vừa học vừa làm, sau đó công tác tại Phòng An ninh nội địa Công an tỉnh T, đến ngày 02/02/2024 xuất ngũ.